


## REMINDER 2

(Dặn dò)

 Sunday, October 9 - 2022

Class code (Mã lớp): 2A1








Teacher(s) (Giáo viên):  
Ms. Minh Xuan





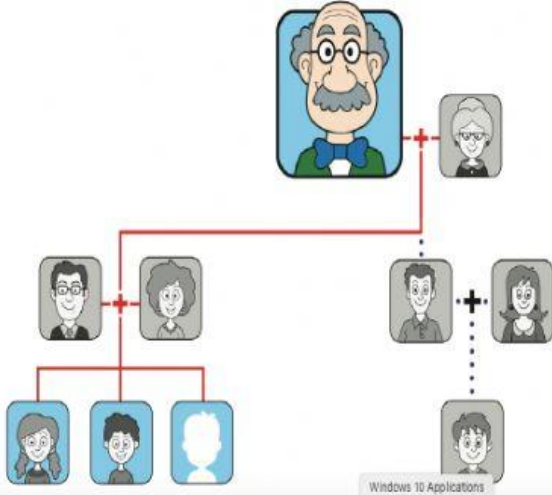
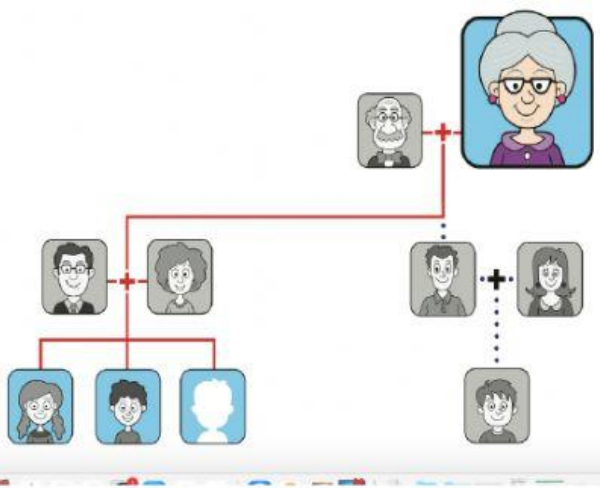


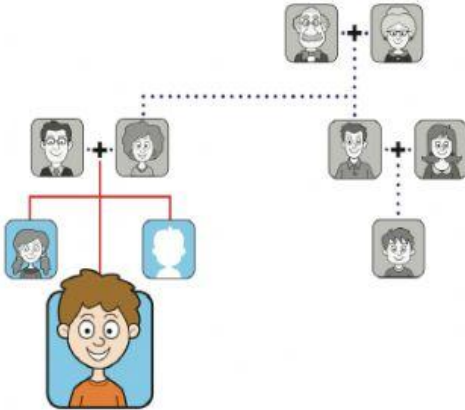
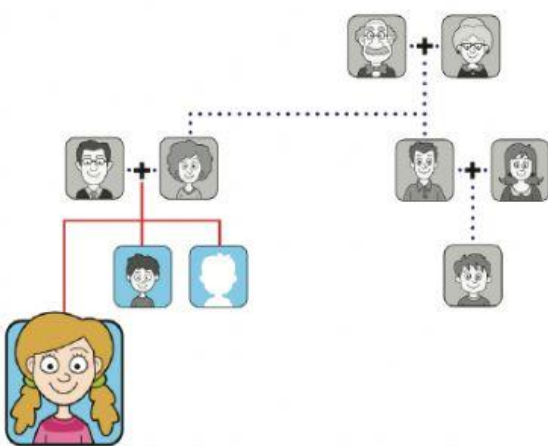
Student(s) (Học sinh):  
Tuấn Anh, Trí Dũng & Anh Minh



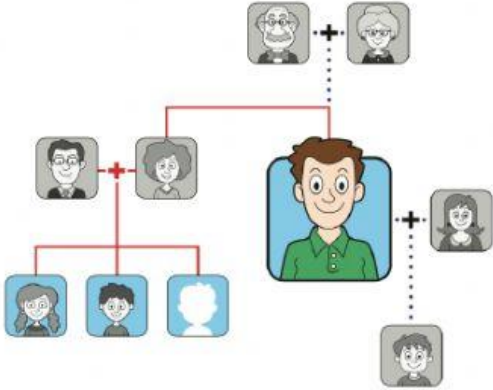
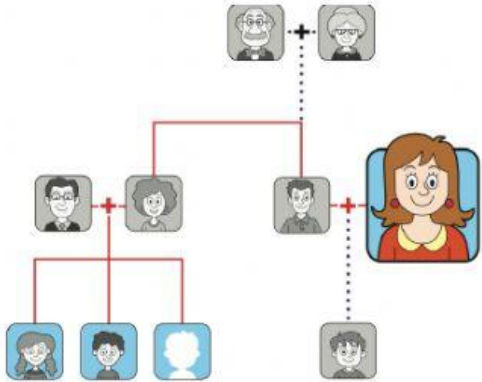


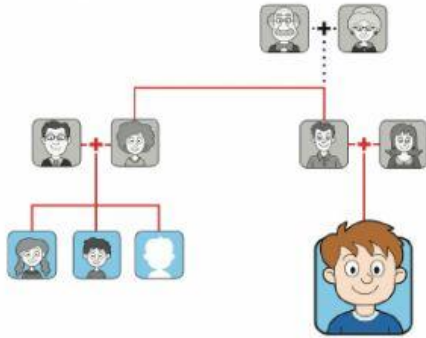

### TODAY'S LESSON

#### VOCABULARY (Từ vựng)

Listen and repeat 3 times (Nghe và nhắc lại 3 lần)

FAMILY 			
 	Mother	 	Father
	mum		dad
<p>mẹ</p> 		<p>bố</p> 	

 	<p><b>Grandfather</b></p> <p><b>grandad</b></p>	 	<p><b>Grandmother</b></p> <p><b>granny</b></p>
<p><b>Ông nội, ông ngoại</b></p> 		<p><b>Bà nội, bà ngoại</b></p> 	
	<p><b>brother</b></p>		<p><b>sister</b></p>
<p><b>Anh trai, em trai</b></p> 		<p><b>chị gái, em gái</b></p> 	

	<p><b>uncle</b></p>		<p><b>aunt</b></p>
<p><b>Bác trai, chú, cậu</b></p> 		<p><b>Bác gái, cô, dì</b></p> 	
	<p><b>cousin</b></p>		<p><b>friend</b></p>
<p><b>Anh, chị, em họ</b> (con của cô, dì, chú, bác, cậu)</p> 		<p><b>bạn</b></p> 	

## GRAMMAR IN CONVERSATION

1. Hỏi : **Who is this?** (Đây ai vậy?)

= **Who's this?**

Trả lời: **This is \_\_\_\_** (Đây là\_\_\_\_)

Example (Ví dụ) :

**Who's this?** (Đây là ai vậy?)

**This is (my) mother.** (Đây là mẹ mình.)



**Who's this?** (Đây là ai thế?)

**This is (my) brother.** (Đây là anh trai mình)




**Listen, repeat and read loudly**

**Who is this?**

1.  This is my **grandfather**
2.  This is my **grandad**
3.  This is my **grandmother**
4.  This is my **granny**
5.  This is my **uncle**
6.  This is my **aunt**



7.  This is my **sister**
8.  This is my **brother**
9.  This is my **cousin**
10.  This is my **friend**

**PRACTICE (Luyện Tập)**

**I. Match the words to the pictures (Nối chữ với tranh)**



mother

brother

father

sister






baby

grandfather

grandmother



**II Listen and choose the word you heard**  
**(nghe và chọn từ mình nghe được)**

1. 	<b>dad</b>	<b>mother</b>	<b>grandad</b>	<b>aunt</b>
2. 	<b>son</b>	<b>grandmother</b>	<b>brother</b>	<b>mum</b>
3. 	<b>brother</b>	<b>father</b>	<b>sister</b>	<b>dad</b>
4. 	<b>granny</b>	<b>cousin</b>	<b>boy</b>	<b>friend</b>
5. 	<b>uncle</b>	<b>aunt</b>	<b>grandfather</b>	<b>mother</b>

**BẤM NÚT ‘FINISH’ ĐỂ NỘP BÀI NHÉ!**